| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHÂU PHÚ**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án: 227/2017/QĐDS-ST
Ngày: 25 / 12 / 2017
*"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng".*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Trần Văn Đức.

*Các hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Huỳnh Văn Hùng;

2. Ông Nguyễn Văn Giữ.

***- Thư ký phiên toà:*** Ông Võ Văn Hòa - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Thị Kim Trang – Kiểm sát viên.

Ngày 25 / 12 / 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 159/2017/TLST-DS ngày 17 tháng 8 năm 2017, về việc "*Tranh chấp dân sự hợp đồng tín dụng về vay tài sản"* theo Quyết đinh đưa vụ án ra xét xử số: 259/2017/QĐST-DS ngày 15 tháng 11 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 178/2017/QĐST-DS ngày 04 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Quỹ tín dụng nhân dân M(Viết tắt là Quỹ tín dụng), địa chỉ: Số 16A, đường M, phường N, thành phố P, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật của Quỹ tín dụng nhân dân M: bà Nguyễn Ngọc H, sinh năm 1984 – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị, có ông Trần Minh N, sinh năm 1986, nơi cư trú: số 4553, ấp M, thị trấn N, huyện P, tỉnh An Giang đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 01 tháng 8 năm 2017;

*Bị đơn*: Ông Trần Bá H1, sinh năm 1982 và bà Nguyễn Thị Phượng T; Cùng nơi cư trú: ấp Bình Khánh, xã Bình Phú, huyện Châu Phú.

Đại diện theo ủy qyền của Quỹ tín dụng nhân dân M (ông N) có mặt tại phiên tòa; ông H1, bà T vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do,

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng Quỹ tín dụng nhân dân M (viết tắt Quỹ tín dụng) trình bày: Giữa Quỹ tín dụng với ông Trần Bá H1 và bà Nguyễn Thị Phượng T ký hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: TC0500433/HĐTD ngày 09/9/2015; theo hợp đồng tín dụng, thì quỹ tín dụng cho ông H1, bà T vay số tiền 400.000.000 (*Bốn trăm triệu*) đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất trong hạn là 1%/tháng, quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. Từ ngày nhận tiền vay thì ông H1, bà T không đóng lãi đúng theo thỏa thuận của hợp đồng. Để đảm bảo khoản vay, ông H1, bà T thế chấp quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC00500019/HĐTC ngày 20/9/2015. Do, ông H1, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã giao kết, nên Quỹ tín dụng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông H1, bà T cùng có tách nhiệm trả số tiền cụ thể: Vốn gốc 400.000.000(*Bốn trăm triệu*) đồng cộng tiền lãi tạm tính đến ngày 01/8/2017 như sau: lãi trong hạn từ ngày 09/12/2015 đến ngày 09/9/2016 số tiền là 36.670.000 (*Ba mươi sáu triệu sáu trăm bảy mươi ngàn*) đồng; lãi quá hạn từ ngày 09/9/2016 đến ngày 01/8/2017 số tiền là 65.200.000 (*Sáu mươi lăm triệu hai trăm ngàn*) đồng;

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình: Quỹ tín dụng nhân dân M đã nộp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ gồm:

- Bản sao hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: TC0500433/HĐTD ngày 09/9/2015;

- Ban sao đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất;

- Bản sao hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC00500019/HĐTC, ngày 20 tháng 8 năm 2014;

- Bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00668QSDĐ/fF cấp ngày 12/9/2001;

- Bảng kê chi tiết tinh lãi;

Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và nhiều lần thông báo mở phiên họp về việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H1, bà T đều vắng mặt nên không tiến hành hòa giải được. Do ông H1, bà T vắng mặt, nên tòa án đã thông báo kết quả phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho ông H1, bà T cùng các tài liệu, chứng cứ kèm theo, nhưng ông H1, bà T vẫn không có ý kiến;

Tại phiên tòa đại diện Quỹ tín dụng vẫn khởi kiện yêu cầu tòa án buộc ông H1, bà T cùng liên đới trả số tiền cụ thể như sau:

- Vốn gốc 400.000.000 (Bốn trăm triệu) đồng cộng tiền lãi tạm tính đến ngày 25/12/2017 số tiền 131.067.000đồng (trong đó lãi trong hạn từ ngày 09/12/2015 đến ngày 09/9/2016 số tiền là 36.667.000đồng, lãi quá hạn từ ngày 09/9/2016 đến ngày 25/12/2017 số tiền là 94.400.000đồng);

Tổng cộng ông H1, bà T phải có trách nhiệm liên đới trả Quỹ tín dụng số tiền 531.067.000 (*Năm trăm ba mươi một triệu sáu mươi bảy ngàn*) đồng và tiếp tục phải chịu lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: TC0500433/HĐTD được ký kết ngày 09/9/2015 giữa quỹ tín dụng với ông H1, bà T kể từ ngày 26/12/2017 trên số tiền chưa trả cho đến khi trả dứt nợ, đồng thời duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho đến khi thi hành án xong;

*Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa*:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết đã tiến hành các hoạt động tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 về phiên tòa sơ thẩm;

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật;

Về nội dung vụ án: ông H1, bà T có ký hợp đồng để vay của quỹ tín dụng số tiền 400.000.000đồng, nhưng ông H1, bà T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã được ký kết nên quỹ tín dụng khởi kiện là có cơ sở. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của quỹ tín dụng; quá trình vay ông H1 có thế chấp quyền sử dụng đất, hợp đồng thế chấp được đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật, nên đề nghị tiếp tục duy trì để đảm bảo thi hành án;

Các đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

*[1] Về tố tụng*:

*[1.1] Về thẩm quyền giải quyết vụ việc*: Quỹ tín dụng có đơn khởi kiện yêu cầu ông Trần Bá H1 và bà Nguyễn Thị Phượng T trả tiền vay theo hợp đồng tín dụng đã ký kết với Quỹ tín dụng; ông H1, bà T vay nhằm mục đích kinh doanh mua bán lúa gạo, nhưng không có giấy phép đăng ký kinh doanh. Xét, đây là tranh chấp dân sự phát sinh từ hợp đồng tín dụng về vay tài sản nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; ông H1, bà T có nơi cư trú tại huyện Châu Phú, Quỹ tín dụng đã nộp tiền tạm ứng án phí sơ thẩm, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của tòa án nhân dân huyện Châu Phú theo quy định Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tung dân sự năm 2015, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016;

*[1.2] Về thời hiệu khởi kiện*: Đương sự không yêu cầu Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện nên không xem xét.

*[1.3] Về sự vắng mặt của đương sự*: Ông Trần Bá H1, bà Nguyễn Thị Phượng T vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai, không có yêu cầu xét xử vắng mặt. Xét, về việc vắng mặt của ông H1, bà T thấy rằng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc cấp tống đạt các văn bản tố tụng cho ông H1, bà T đúng theo quy định Bộ luật Tố tụng dân sự, nhưng ông H1, bà T vẫn vắng mặt không tham gia phiên tòa đến lần thứ hai không vì sự kiện bất khả kháng. Hội đồng xét xử thống nhất tiến hành xét xử vắng mặt ông H1, bà T theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

*[2] Về nội dung*: Ông H1, bà T đã vay của Quỹ tín dụng nhân dân M400.000.0000đ (*Bốn trăm triệu*) đồng theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: TC0500433/HĐTD ngày 09/9/2015 được ký kết giữa Quỹ tín dụng với ông H1, bà T, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất trong hạn 1% một tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi trong hạn. Ông H1, bà T đã trả lãi được 03 (ba) tháng kể từ ngày 09/9/2015 đến ngày 09/12/2015 được 12.000.00đồng thì ngưng cho đến nay. Xét thấy, hợp đồng tín dụng giữa Quỹ tín dụng với ông H1, bà T là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên; ông H1, bà T đã nhận đủ tiền vay, nhưng đến hạn không thực hiện việc trả nợ theo thỏa thuận hợp đồng đã ký kết là vi phạm thời hạn thực hiện nghĩa vụ trả nợ được quy định tại khoản 1 Điều 278 Bộ luật dân sự năm 2015 và Điều 280 quy định: "*1. Nghĩa vụ trả tiền phải được thực hiện đầy đủ, đúng thời hạn, đúng địa điểm và phương thức đã thỏa thuận; 2. Nghĩa vụ trả tiền bao gồm tiền lãi trên nợ gốc, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*"; bên cạnh tại khoản 1 Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015 có hiệu lực pháp luật từ ngày 01 tháng 01 năm 2017 quy định: "*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thoả thuận khác*" giữa quỹ tín dụng Mỹ Bình với ông H1, bà T không có thỏa thuận khác ngoài thỏa thuận vay tiền và lãi suất theo hợp đồng đã ký kết;

Từ những viện dẫn trên, có đủ cơ sở pháp luật buộc ông H1, bà T phải có trách nhiệm liên đới trả tiền đã vay cho Quỹ tín dụng 531.067.000(Năm trăm ba mươi một triệu sáu mươi bảy ngàn)đồng, trong đó vốn gốc 400.000.000đồng; lãi trong hạn từ ngày 09/12/2015 đến ngày 09/9/2016 số tiền là 36.667.000đồng, lãi quá hạn từ ngày 09/9/2016 đến ngày 25/12/2017 số tiền là 94.400.000đồng;

Xét về khởi kiện yêu cầu duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất cho đến khi thi hành án xong; Thấy rằng: để đảm bảo nghĩa vụ cho số tiền vay ông H1 đã thế chấp cho Quỹ tín dụng nhân dân Mdiện tích 20.081m$^2$ đất nông nghiệp theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00668QSDĐ/fF, do UBND huyện Châu Phú cấp ngày 12/9/2001 cho ông Trần Bá H1 đứng tên quyền sử dụng, theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC00500019/HĐTC, ngày 20 tháng 8 năm 2014, hợp đồng thế chấp đã thực hiện thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm đúng quy định pháp luật nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các

bên; Xét thấy cần tiếp tục duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC00500019/HĐTC, ngày 20 tháng 8 năm 2014 để đảm bảo thi hành án như yêu cầu khởi kiện của quỹ tín dụng là có căn cứ pháp luật nên được chấp nhận;

*[3] Về án phí sơ thẩm:*

Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của quỹ tín dụng nên quỹ tín dụng không phải chịu án phí sơ thẩm. Hoàn trả lại tiền án phí đã nộp.

Ông H1, bà T phải chịu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH

*Áp dụng Điều 26, Điều 35, Điều 39 Điều 273 và Điều 278 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;*

*Áp dụng Điều 278, Điều 280 và Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015, có hiệu lực pháp luật ngày 01 tháng 01 năm 2017;*

*Áp dụng khoản 2 Điều 91, khoản 2 Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;*

*Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.*

*Áp dụng Luật thi hành án dân sự năm 2008;*

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Quỹ tín dụng nhân dân M:

Buộc ông Trần Bá H1, bà Nguyễn Thị Phượng T cùng liên đới trách nhiệm trả cho Quỹ tín dụng nhân dân M số tiền 531.067.000(*Năm trăm ba mươi một triệu sáu mươi bảy ngàn*)đồng, trong đó vốn gốc 400.000.000đồng; lãi trong hạn từ ngày 09/12/2015 đến ngày 09/9/2016 số tiền là 36.667.000đồng, lãi quá hạn từ ngày 09/9/2016 đến ngày 25/12/2017 số tiền là 94.400.000đồng;

Ông H1, bà T còn phải tiếp tục chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng ngắn hạn số: TC0500433/HĐTD ngày 09/9/2015 đã được ký kết với Quỹ tín dụng nhân dân Mkể từ ngày 26 tháng 12 năm 2017 trên số tiền chưa trả cho đến khi trả dứt nợ;

Duy trì hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số TC00500019/HĐTC ngày 20/8/2014 được ký kết giữa Quỹ tín dụng nhân dân Mvới ông H1, bà T cho đến khi thi hành án xong.

*Về án phí*:

Ông Trần Bá H1 và bà Nguyễn Thị Phượng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 25.242.000 (Hai mươi lăm triệu hai trăm bốn mươi hai ngàn)đồng;

Quỹ tín dụng nhân dân M không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn lại cho Quỹ tín dụng nhân dân M 12.000.000đ (*Mười hai triệu*) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số TU/2015/0017175 ngày 17/8/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Phú, tỉnh An Giang.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án Quỹ tín dụng nhân dân M có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Riêng thời hạn kháng cáo của ông Trần Bá H1 và bà Nguyễn Thị Phượng T là 15 ngày kể từ ngày nhận, biết được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự./.*

***Nơi nhận:***
- Viện KSND huyện Châu Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh (1);
- Thi hành án DS huyện Châu Phú (1);
- Các đương sự ;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà**

**Trần Văn Đức**